

Số: 08/2023/CV-PICOMAT

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA PICOMAT

- Mã chứng khoán/Mã thành viên: PCH

- Địa chỉ: Thôn Cầu Liêu, Xã Thạch Xá, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

VPĐD: Tầng 1, Tòa nhà CT3B, Số 10 Đại Lộ Thăng Long, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.

- Điện thoại liên hệ: 024.6329.0555 - E-mail: info@picomat.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Nhựa Picomat công bố thông tin Đính chính Báo cáo tài chính riêng Quý 4 năm 2022 và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2022.

2.1 Đính chính báo cáo tài chính riêng Quý 4 năm 2022

2.1.1 – Thông tin báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng Quý 4/2022

Thông tin trước đính chính

Diễn giải	Mã số	Số tiền (VND)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
2. Điều chỉnh cho các khoản:		
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	(1,632,410)
- Chi phí lãi vay	6	987,611,889
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	12,780,193,616
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9	(9,680,250,720)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(27,021,222,064)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	0
4. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	0
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	29,713,838,791

Thông tin sau khi đính chính

Diễn giải	Mã số	Số tiền (VND)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
2. Điều chỉnh cho các khoản:		
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	731,770
- Chi phí lãi vay	6	986,880,119
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	12,781,826,026
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9	(9,606,530,173)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(27,096,575,021)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	11.016.000
4. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	997.791.506
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	29,122,827,061

2.1.2 Mục 15 Vốn chủ sở hữu - Thuyết minh BCTC riêng**Tại khoản a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu****Thông tin trước đính chính**

Diễn giải	Số tiền (VND)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm 2022	0

Thông tin sau đính chính

Diễn giải	Số tiền (VND)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm 2022	9.698.082.077

2.2 Đính chính báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2022

2.2.1. Thông tin Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất:

Thông tin trước đính chính

Diễn giải	Mã số	Số tiền (VND)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	(31,134,132)
- Chi phí lãi vay	6	2,123,394,944
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	23,475,223,591
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	9	4,402,631,084
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1,108,316,122
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	32,063,298,704
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2,261,150,365)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	11,016,000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(23,725,005,362)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	29,713,838,791

Thông tin sau đính chính

Diễn giải	Mã số	Số tiền (VND)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	(43,296,102)
- Chi phí lãi vay	6	2,122,663,174
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	23,462,329,851
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9	3,359,166,453
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(527,778,055)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	29,370,846,156
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(914,924,091)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.357.242.274
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(21,032,552,814)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	29,122,827,061

2.2.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 4/2022:

Thông tin trước đính chính

Diễn giải	Số tiền (VND)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	50,146,552,798
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	50,146,552,798
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	41,596,881,703

Thông tin sau đính chính

Công ty thay đổi chỉ tiêu của báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh của báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 năm 2022. Do hạch toán bút toán loại trừ về lợi nhuận chưa thực hiện kỳ trước kế toán hạch toán sai làm giảm khoản mục mã số “1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”. Sửa đúng thành làm tăng khoản mục “4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp” số tiền 1,971,890,128 do vậy 2 khoản mục trên được thay đổi như sau:

Diễn giải	Số tiền (VND)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	52,118,442,926
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	52,118,442,926
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	43,568,771,831

b. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2022

Thông tin trước đính chính

Diễn giải	Số tiền (VND)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	149,990,919,481
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	149,990,919,481
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	119,872,974,811

Thông tin sau đính chính

Công ty thay đổi chỉ tiêu của báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh của báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022. Do hạch toán bút toán loại trừ về lợi nhuận chưa thực hiện kỳ trước kế toán hạch toán sai làm giảm khoản mục mã số “1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”. Sửa đúng thành làm tăng khoản mục “4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp” số tiền 1,971,890,128 do vậy 2 khoản mục trên được thay đổi như sau:

Diễn giải	Số tiền (VND)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	151,962,809,609
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	151,962,809,609
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	121,844,864,939

2.2.3. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất số VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

Thông tin trước đính chính

Diễn giải	Số tiền (VND)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	149.089.776.836
2. Giá vốn hàng bán	
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	119.748.449.863

Thông tin sau đính chính

Diễn giải	Số tiền (VND)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	151.061.366.964
2. Giá vốn hàng bán	
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	121.720.339.991

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 24/03/2023 tại đường dẫn: <https://picomat.com.vn/bao-cao-tai-chinh/dinh-chinh-bctc-rieng-va-hop-nhat-picomat-quy-IV-nam-2022>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính riêng quý 4 năm 2022 đã đính chính;
- Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 năm 2022 đã đính chính;



ĐÀO THỊ KIM OANH